

Số: 95/2026/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

**V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

*Thư ký phiên họp:* Bà Đỗ Thị Hương Giang- Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp:* Bà Trần Thị Lý Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 114/2026/TLST-VLĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 78/2026/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà La Thị Đà Q, sinh năm: 1992; thường trú: Ấp B, phường S, thành phố Cần Thơ; địa chỉ liên hệ: Số D, Tổ C, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Thạch Thị P, sinh năm: 1994; thường trú: Ấp B, phường S, thành phố Cần Thơ; địa chỉ liên hệ: Số D, Tổ C, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Công ty cổ phần S; địa chỉ: Đường số D, Khu công nghiệp Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở B – Bảo hiểm xã hội Thành phố H; Địa chỉ: Số A đường L, khu phố H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:**

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết, người yêu cầu bà La Thị Đà Q trình bày:*

Bà La Thị Đà Q tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà La Thị Đà Q bị trùng.

Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội là do vào năm 2011, bà Thạch Thị P chưa đủ tuổi để giao kết hợp đồng lao động. Vì là họ hàng với nhau nên bà La Thị Đà Q có cho bà Thạch Thị P sử dụng thông tin của bà La Thị Đà Q giao kết Hợp đồng lao động với Công

ty Cổ phần S trong thời gian từ tháng 11/2011 đến tháng 01/2013. Quá trình làm việc, bà Thạch Thị P được Công ty Cổ phần S tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ bảo hiểm 7411283969. Tuy nhiên, thời gian đó bà La Thị Đà Q đang giao kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty TNHH F từ tháng 3/2012 đến tháng 01/2025 và được Công ty TNHH F xã hội với mã số sổ bảo hiểm 7912158831.

Do đó, bà La Thị Đà Q bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 11/2011 đến tháng 01/2013 tương đương với thời gian bà Thạch Thị P mượn hồ sơ lao động của bà La Thị Đà Q. Vì thiếu hiểu biết, nghĩ rằng việc cho bà Thạch Thị P mượn thông tin cá nhân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S là không vi phạm gì và chỉ mong muốn cho bà Thạch Thị P có công việc để trang trải cuộc sống.

Nay bà La Thị Đà Q yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà La Thị Đà Q và Công ty Cổ phần S là vô hiệu và không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị P trình bày:*

Bà Thạch Thị P và bà La Thị Đà Q là họ hàng với nhau. Khoảng tháng 11/2011, bà Thạch Thị P chưa đủ tuổi để đủ điều kiện ứng tuyển lao động nên đã mượn thông tin cá nhân của bà La Thị Đà Q để xin vào làm việc tại Công ty Cổ phần S và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2011 đến tháng 01/2013 với số sổ bảo hiểm xã hội là 7411283969. Nay bà Thạch Thị P thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà La Thị Đà Q và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà La Thị Đà Q với Công ty cổ phần S vô hiệu. Sau khi kết thúc hợp đồng lao động với Công ty cổ phần S thì bà Thạch Thị P chưa thực hiện thủ tục để hưởng BHXH một lần và trợ cấp thất nghiệp. Bà Thạch Thị P cũng không yêu cầu gì liên quan đến bảo hiểm trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà La Thị Đà Q và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần S đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không có lý do.*

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở B thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H trình bày:*

Bà La Thị Đà Q, sinh năm 03/01/1992, CMND 365969242. Sổ 7411283969 có quá trình tham gia từ tháng 11/2011 đến tháng 01/2013 Công ty cổ phần S, đã được được xác nhận bảo lưu trên sổ, chưa hưởng trợ cấp 1 lần, chưa hưởng thất nghiệp. Theo quy định hiện hành về đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN cơ quan BHXH không lưu giữ hợp đồng lao động và các giấy tờ tùy thân của người lao động mà do người sử dụng lao động quản lý, lưu giữ. Trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đề nghị Q1 tòa tuyên buộc người mượn hồ sơ tư pháp đi làm việc và tham gia BHXH được điều chỉnh thông tin nhân thân đúng của người lao động.

*- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:*

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Người yêu cầu bà La Thị Đà Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị P, Bảo hiểm xã hội cơ sở Bình Dương có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Công ty Cổ phần S đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà La Thị Đà Q là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà La Thị Đà Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị P, Bảo hiểm xã hội cơ sở B vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Công ty Cổ phần S đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian từ tháng 11/2011 đến tháng 01/2013 bà Thạch Thị P sử dụng thông tin của bà La Thị Đà Q giao kết Hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S. Quá trình làm việc, bà Thạch Thị P được Công ty Cổ phần S tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ bảo hiểm 7411283969. Đồng thời, thời gian đó bà La Thị Đà Q giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH F từ tháng 3/2012 đến tháng 01/2025 và được Công ty TNHH F xã hội với mã số sổ bảo hiểm 7912158831. Do đó, bà La Thị Đà Q bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 11/2011 đến tháng 01/2013 tương đương với thời gian bà Thạch Thị P mượn hồ sơ lao động của bà La Thị Đà Q. Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2011 đến tháng 01/2013 người lý kết hợp đồng lao động và thực tế làm việc ở Công ty Cổ phần S là bà Thạch Thị P (do bà La Thị Đà Q cho bà Thạch Thị P mượn thông tin cá nhân).

[3] Xét thấy, lời khai của bà La Thị Đà Q và bà Thạch Thị P phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở B tại Công văn số 1098/CV-BHXH ngày 07/04/2026 và Công văn số 643/BHXH-QLT ngày 12/3/2026 của Bảo hiểm xã hội L. Theo đó, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2012 đến tháng 01/2025, bà La Thị Đà Q đang giao kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty TNHH F. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S trong khoảng thời gian tháng 11/2011 đến tháng 01/2013 là bà Thạch Thị P, không phải là bà La Thị Đà Q. Đây là hợp đồng lao động không đúng về chủ thể, thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà La Thị Đà Q về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà La Thị Đà Q với Công ty cổ phần S theo sổ bảo hiểm xã hội số 7411283969 bị vô hiệu.

[5] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: "... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*", chấp nhận yêu cầu của bà La Thị Đà Q và ý kiến của bà Thạch Thị P về việc xác định người lao động tại Công ty cổ phần S trong giai đoạn từ tháng 11/2011 đến tháng 01/2013 là bà Thạch Thị P, không phải là bà La Thị Đà Q. Bà La Thị Đà Q và bà Thạch Thị P có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7411283969.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Bà La Thị Đà Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370,

371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà La Thị Đà Q.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà La Thị Đà Q với Công ty cổ phần S (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7411283969) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7411283969 không phải là bà La Thị Đà Q, sinh năm 1992; giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 094192004351. Bà La Thị Đà Q được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7411283969.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà La Thị Đà Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0018291 ngày 25/3/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT,HS.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Thị Mỹ Thanh**